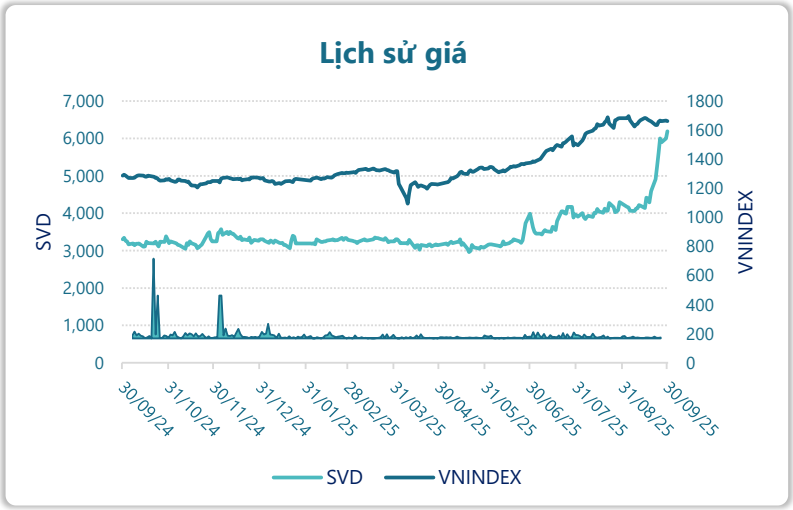
FireAnt

CTCP Đầu tư và Thương mại Vũ Đăng (HSX: SVD)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,190**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,190
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,960
SL cổ phiếu LH	27,605,908
KLGD BQ 20 phiên (CP)	278,109
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	171
P/E	14.2
EPS	437

DT thuần

Q3/25

113

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 62.2| 122%

YoY: ▲ 11.0| 10.6%

LN sau thuế

Q3/25

1.09

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.79| 262%

YoY: ▼1.19| -52.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.3%

+/- YoY: ▼ 3.2%

DT thuần

9T 2025

219

tỷ VNĐ

YoY: ▼54.0| -19.8%

LN sau thuế

9T 2025

1.71

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.53| -47.3%

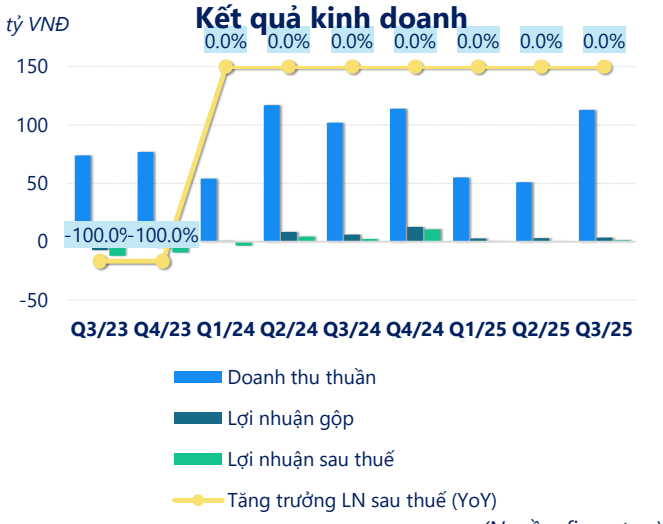
ROE

Q3/25

4.7%

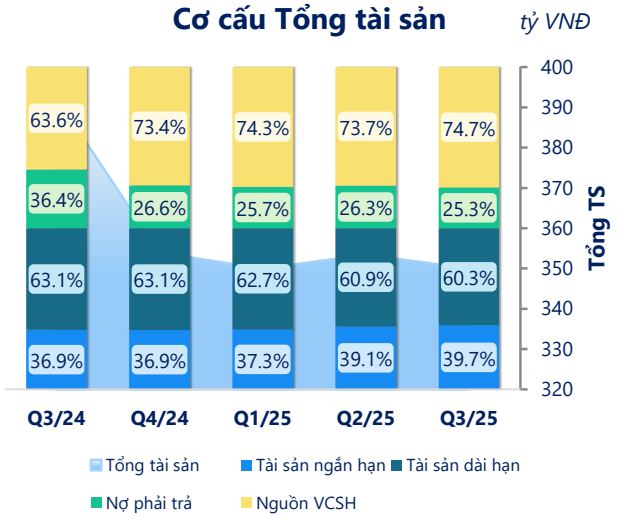
+/- YoY: ▲ 7.1%

Kết quả kinh doanh



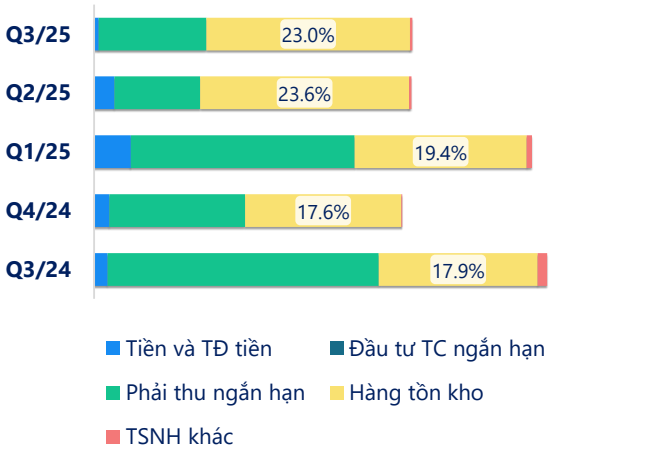
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



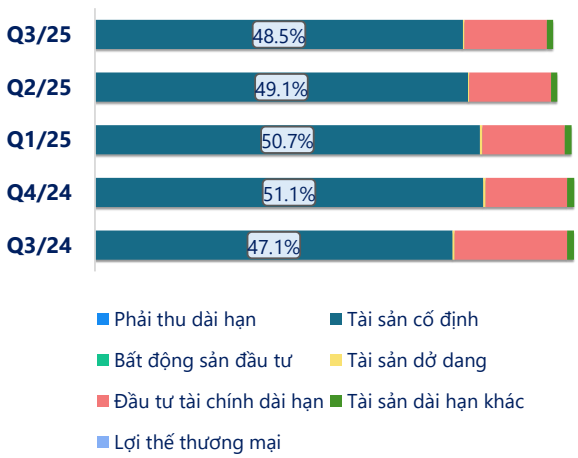
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



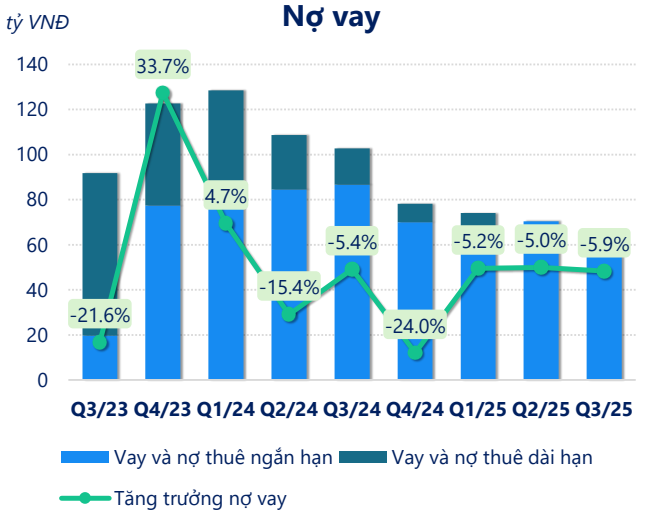
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



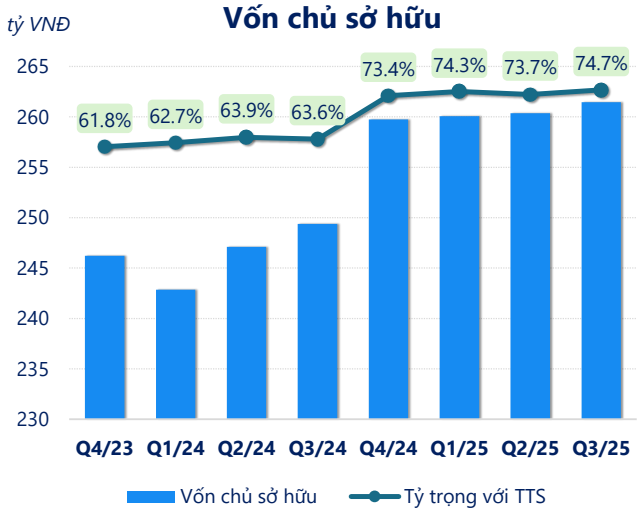
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



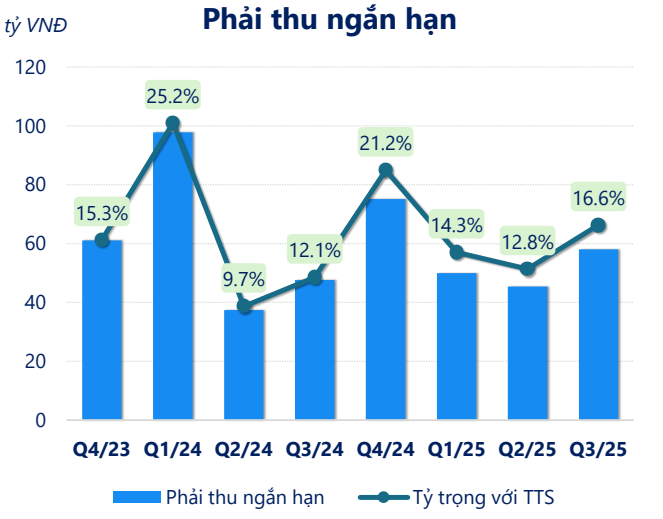
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



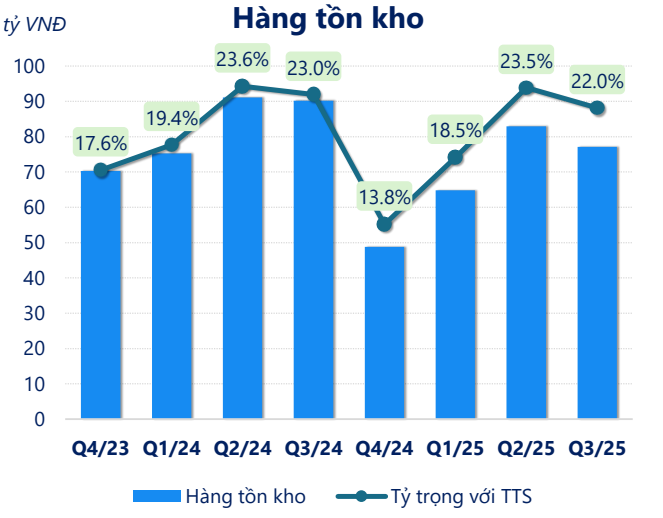
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



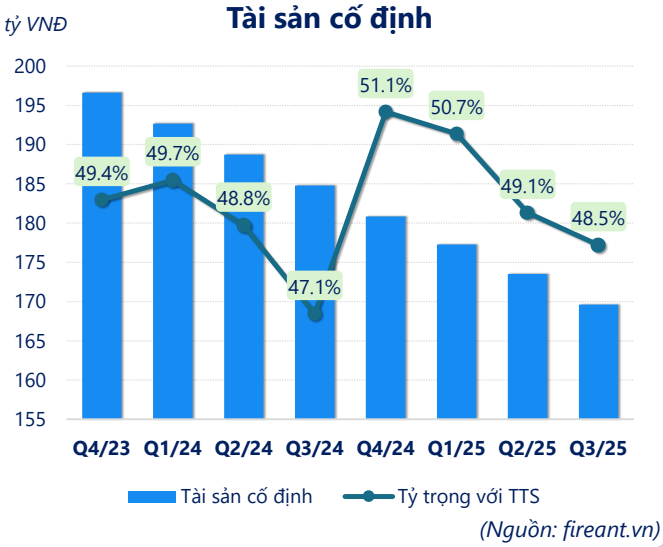
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



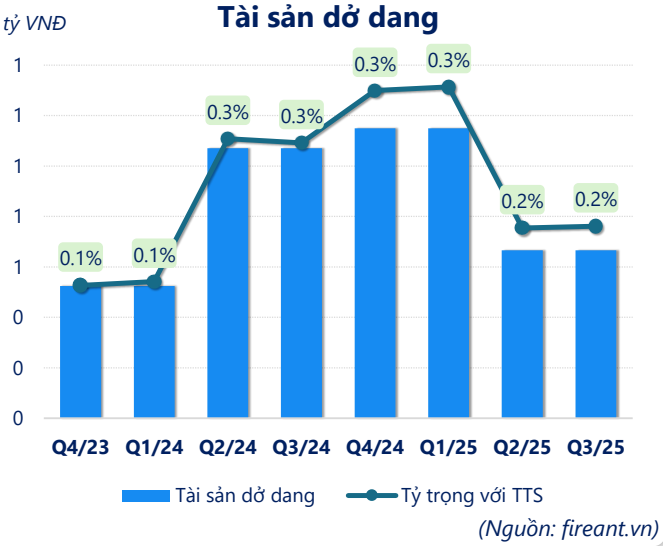
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



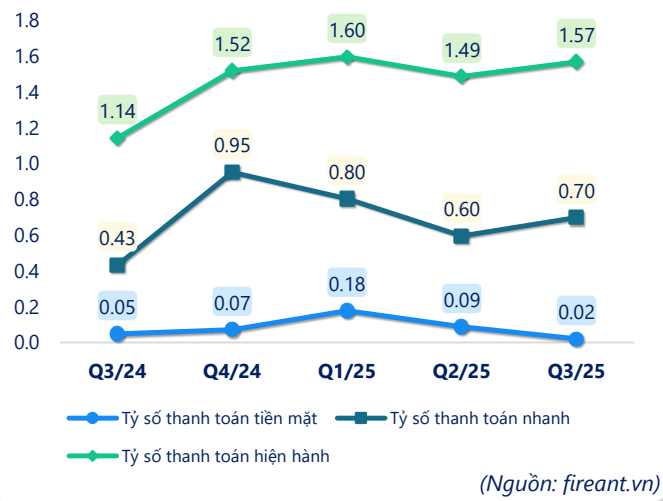
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



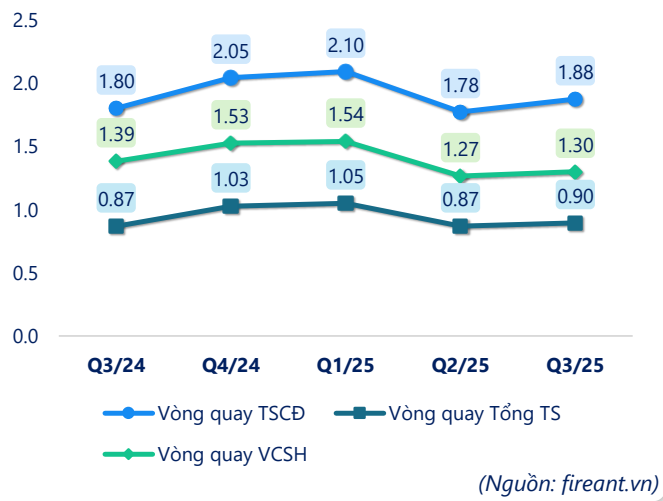
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**392**	**354**	**350**	**353**	**350**
Tài sản ngắn hạn	**145**	**131**	**130**	**138**	**139**
Tiền và tương đương tiền	6.05	6.10	14.5	8.15	1.83
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	47.6	75.2	49.9	45.4	58.1
Hàng tồn kho	90.2	48.8	64.8	82.9	77.1
Tài sản ngắn hạn khác	1.12	0.53	1.14	1.84	1.91
Tài sản dài hạn	**247**	**223**	**220**	**215**	**211**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	185	181	177	174	170
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.07	1.15	1.15	0.67	0.67
Đầu tư tài chính dài hạn	58.0	38.0	38.0	38.0	38.0
Tài sản dài hạn khác	3.58	3.35	3.13	2.91	2.80
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**143**	**94.2**	**89.9**	**93.1**	**88.6**
Nợ ngắn hạn	**127**	**86.0**	**81.7**	**93.1**	**88.6**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	86.6	69.9	65.8	70.3	66.2
Phải trả người bán ngắn hạn	17.9	6.39	5.96	5.21	3.55
Nợ dài hạn	16.2	8.24	8.24	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	16.2	8.24	8.24	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**249**	**260**	**260**	**260**	**261**
Vốn chủ sở hữu	**249**	**260**	**260**	**260**	**261**
Vốn điều lệ	276	276	276	276	276
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)